

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIÊN KHÁNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Hùng Cường

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ L Sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

**- Bị đơn:** Ông Võ Văn Nh Sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ L - trình bày:**

Bà và ông Võ Văn Nh kết hôn tự nguyện và được UBND xã S, huyện D cấp giấy đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2002. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do vợ chồng không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Ông Nh ghen tuông và đánh đập bà vô cớ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn xin ly hôn ông Nh.

Bà và ông Nh có 02 con chung là cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 29/10/2002 và cháu Võ Ngọc Thanh T, sinh ngày 03/11/2008. Cháu Đ đã thành niên nhưng bị khuyết tật nặng về trí tuệ (có giấy xác nhận khuyết tật do UBND xã S cấp ngày

16/9/2013) do đó, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ, còn cháu T có nguyện vọng muốn được ở với ông Nh nên bà đồng ý giao cháu T cho ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi người nuôi dưỡng một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn - ông Võ Văn Nh - trình bày:***

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mẫu thuẫn vợ chồng, ông Nh thống nhất như lời trình bày của bà L. Nay, ông Nh đồng ý ly hôn bà L vì tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Ông Nh xác định ông và bà L có 02 con chung như bà L đã trình bày. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý giao cháu Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng vì bà L không đảm bảo việc chăm sóc tốt cho con vì bà L đi làm suốt, ít có thời gian ở nhà, trong khi đó, ông có nhiều thời gian rảnh rỗi để chăm sóc con hơn bà L.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự đều không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn và bị đơn cho rằng hai vợ chồng còn nợ chung một số cá nhân khác, cụ thể: nợ ông Nguyễn H, bà Trần Lê Thị Á 1,6 cây vàng 96%, nợ bà Nguyễn Thị G 10 triệu đồng, nợ bà Võ Thị Xuân L 22 triệu đồng và nợ của bà Võ Thị Xuân N 1,3 cây vàng 96%, mục đích các khoản nợ là để xây nhà vào năm 2006 nhưng các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết và đề nghị giành quyền khởi kiện cho họ ở một vụ án khác nếu có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, giao con chung là cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 29/10/2002 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Võ Ngọc Thanh T, sinh ngày 03/11/2008 cho ông Võ Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nh, bà L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Võ Văn Nh trú tại: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Võ Văn Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 25 tháng 01 năm 2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu, vợ chồng ông Nh, bà L chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Nh đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Cả ông Nh và bà L đều xác định mặc dù hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng mỗi người tự ăn uống, sinh hoạt riêng, không ai quan tâm gì đến ai. Điều này thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay bà L khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Nh không còn và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nh, ông Nh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Xét việc thuận tình ly hôn của bà L và ông Nh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông Nh.

[2.2] Về con chung:

Bà L và ông Nh xác định hai người có 02 con chung là Võ Quốc Đ, sinh ngày 29/10/2002 và Võ Ngọc Thanh T, sinh ngày 03/11/2008. Võ Quốc Đ đã thành niên nhưng bị khuyết tật nặng về trí tuệ theo Giấy xác nhận khuyết tật do UBND xã S cấp ngày 16/9/2013.

Xét thấy, đối với cháu T: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn, yêu cầu này của ông Nh được bà L đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên cần chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Đ là người bị khuyết tật nặng về trí tuệ, khi ly hôn, ông Nh, bà L mỗi người đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ.

Việc bà L và ông Nh cả hai người đều giành quyền nuôi con đối với cháu Đ đã thể hiện được tinh thần, trách nhiệm của cha, mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Xét về điều kiện nuôi con thì bà L và ông Nh đều ngang nhau vì ai cũng có công việc và thu nhập ổn định (Bà L làm nghề uốn tóc xà xác định thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000đ, còn ông Nh làm nghề nông và lái máy xúc, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ). Mặt khác, ông Nh và bà L có 02 con chung, Hội đồng xét xử đã quyết định giao cháu T cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng như đã nhận định trên nên cần giao cháu Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng để mỗi người san sẻ trách nhiệm với nhau về kinh tế lẫn thời gian trong việc chăm sóc, nuôi dạy để con cái có điều kiện phát triển tốt hơn về mọi mặt. Việc ông Nh không đồng ý giao cháu Đ cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng với lý do bà L đi làm suốt ngày từ sáng đến tối, không có thời gian ở nhà để chăm sóc con cái là chưa đủ thuyết phục vì trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông Nh, bà L và cháu T đều thừa nhận mặc dù bị khuyết tật nặng về trí tuệ nhưng cháu Đ vẫn có thể tự vệ sinh cá nhân, ăn uống, đi lại bình thường nên trong mọi hoạt động sinh hoạt hằng ngày, cháu Đ vẫn có thể làm được mà không nhất thiết phải có sự hỗ trợ, giám sát liên tục từ người khác. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nh, bà L không ai có yêu cầu bên kia phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tại phiên tòa, bà L và ông Nh khai hai người còn nợ chung một số cá nhân khác nhưng cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, các Điều 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với bị đơn ông Võ Văn Nh về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Võ Văn Nh.

**2. Về con chung:** Giao con chung Võ Quốc Đ, sinh ngày 29/10/2002 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Võ Ngọc Thanh T, sinh ngày 03/11/2008 cho ông Võ Văn Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nh, bà L không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, ông Nh, bà L có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết, ông Nh và bà L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007399 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bảo án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã S, huyện D;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Mai**